

CÔNG TY TNHH TM VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP HÀ PHƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP HÀ PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA PHUONG GENERAL TM AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110538425

3. Ngày thành lập: 10/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 22, Ngõ 349/6 Phố Nam Dư, Tổ 2, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0825417279

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới hàng hóa (Loại trừ Đấu giá và loại nhà nước cấm)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620

13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ được phẩm và dụng cụ y tế)	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ máy móc, thiết bị y tế)	4659
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
27.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
28.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý... (Trừ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính và chứng khoán)	7020
29.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Khảo sát xây dựng; - Kiểm định xây dựng; - Hoạt động đấu thầu	7110

30.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo loại nhà nước cấm)	7310
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
32.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
34.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4719
35.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
36.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
37.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; (Loại trừ hoạt động vận tải hàng không và hoa tiêu)	5229
40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
41.	Cơ sở lưu trú khác	5590
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5610(Chính)
43.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
44.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
46.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
47.	Đại lý du lịch	7911
48.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
49.	Xây dựng nhà để ở	4101
50.	Xây dựng nhà không để ở	4102
51.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
52.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53.	Xây dựng công trình thủy	4291
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
55.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311

56.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
59.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
60.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
62.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
63.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
64.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
65.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
66.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thuốc, dụng cụ y tế)	4772
67.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VŨ THỊ YẾN	Việt Nam	Số 30, Ngõ 97 Phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.700.000.000	90,000	019179000315	
2	TRINH THIẾT GIÁP	Việt Nam	Xóm 6A Thủy Cơ, Xã Yên Nam, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	300.000.000	10,000	035058006057	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ YẾN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *25/05/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *019179000315*

Ngày cấp: *12/04/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 30, Ngõ 97 Phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 93, Ngõ 99/110/79 Phố Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**